

LÝ LUẬN VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI: MỘT SỐ ĐỘT PHÁ TRONG TƯ DUY

CAO HỒNG^(*)

Hành trình đổi mới lý luận văn học nước nhà (1986-2012) đã trải qua gần 30 năm với những chặng thẳng trầm khác nhau. Đây là một quãng thời gian ngắn đối với lịch sử văn học dân tộc nói chung nhưng đủ để có thể làm nên những chuyển biến có tính chất “bước ngoặt” của lý luận văn học nói riêng trên con đường hiện đại hóa. Ý thức sâu sắc vai trò của mình đối với sự phát triển của văn hóa nói chung và đời sống văn học nói riêng, lý luận văn học đã từng bước nỗ lực đổi mới tư duy học thuật, từng bước tiến đến khẳng định những thành tựu quan trọng. So với trước đây, lý luận văn học ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới có nhiều phương diện trưởng thành vượt bậc, đây chính là giai đoạn đặt nền tảng cho sự phát triển của lý luận văn học dân tộc trong những giai đoạn tiếp theo ở thế kỷ XXI.

Có rất nhiều nhân tố nội, ngoại sinh tác động đến việc đổi mới văn học nói chung và lý luận văn học nói riêng, tuy nhiên năm nguyên nhân cơ bản sau là trực tiếp, mạnh mẽ nhất: 1/ Khát vọng hướng về đổi mới và tâm thế đồng thuận của toàn xã hội - Sự vận động cùng chiều với thế giới hiện đại; 2/ Sự phát triển của sáng tác văn học; 3/ Đổi mới

đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam; 4/ Những ảnh hưởng của phong trào đổi mới trong văn nghệ Xô Viết và Trung Quốc; 5/ Đội ngũ các nhà nghiên cứu với tư duy khoa học tiến bộ.

Sau giai đoạn chuyển động có tính chất quá độ, mang nhiều yếu tố dự báo (1975-1985), lý luận văn học Việt Nam bắt đầu đổi mới rõ hơn từ sau năm 1986. Theo dõi tiến trình (tạm thời chia thời gian có tính ước lệ) qua hai giai đoạn: Từ 1986 đến 1995 và từ 1996 đến nay, có thể khái quát diện mạo lý luận văn học Việt Nam với một số nét tiêu biểu sau:

I. Đề cao tinh thần biện giải, mạnh mẽ phê phán các giáo điều lý luận xơ cứng, phiến diện

Nhìn một cách bao quát, lý luận văn học đổi mới đã đề cao tinh thần biện giải, mạnh mẽ phê phán các giáo điều lý luận xơ cứng, phiến diện. Tinh thần này được thể hiện sôi nổi nhất ở khoảng mười năm đầu của thời kỳ Đổi mới (1986 - 1995), và tất nhiên có nhiều vấn đề giới lý luận đề xuất ở thời gian này tiếp tục được làm sáng tỏ ở giai đoạn tiếp theo.

^(*) TS., Đại học Thái Nguyên.

Tinh thần biện giải, xói lạt đó là *sự tự phê phán, tự phản tỉnh* đối với những mô thức hóa của lý luận văn học, không còn thích ứng với yêu cầu phát triển của sáng tác văn học nghệ thuật, định giá lại một số giá trị bị coi là nhất thời, thậm chí là giá trị ảo, những phương pháp tư duy, phương pháp nghiên cứu đã từng được coi là khoa học, là tối ưu giờ bộc lộ những bất cập, thậm chí chính nó là nguyên nhân gây nên sự trì trệ của nền văn học. Tinh thần này cũng đồng thời thể hiện ở việc khôi phục, trả lại giá trị đích thực cho những hiện tượng văn học đã bị đánh giá không đúng với những phẩm chất vốn có của nó. Trên tinh thần phê phán khách quan khoa học cái cũ, lý luận đưa ra những đề xuất khoa học mới.

Bắt đầu từ mốc khởi điểm năm 1986 (sau Đại hội VI của Đảng), trên văn đàn từ Nam ra Bắc lần lượt diễn ra nhiều cuộc thảo luận, tranh biện sôi nổi về các vấn đề lý luận văn học. Có thể nói, đường lối đổi mới và tư tưởng chỉ đạo của Đảng: “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói đúng sự thật” đã tạo nên một bầu không khí dân chủ thực sự trong tranh luận học thuật. Nhiều hội thảo đã thu hút, lôi cuốn sự chú ý tham gia không chỉ của các văn nghệ sĩ, các nhà lý luận phê bình, các nhà giáo mà cả đông đảo bạn đọc trong nước. Tinh thần đổi mới văn học, đổi mới lý luận trở thành câu chuyện của cộng đồng - cộng đồng văn chương và cộng đồng xã hội.

Tinh thần biện giải, xói lạt của lý luận văn học thời kỳ Đổi mới thể hiện rõ nét ở bình diện *ý thức hệ*. Đó là việc nhìn nhận lại các vấn đề lý luận quen thuộc như tư tưởng văn nghệ mác xít, lý

luận về phương pháp sáng tác hiện thực XHCN.

Về tư tưởng văn nghệ mác xít, phương châm là vừa kiên trì tư tưởng Marx-Lenin, vừa phải có những đổi mới mới mẻ, linh hoạt để thích ứng với hoàn cảnh mới. Tư duy lý luận đổi mới đã coi *lý luận văn nghệ mác xít vừa như một thành tựu trí tuệ của nhân loại, vừa như là đối tượng để nghiên cứu, tiếp nhận, bổ sung và phát triển*, nó hoàn toàn không phải là loại lý luận duy nhất hàm chứa chân lý bất biến của văn học nghệ thuật như nhiều năm trước đây chúng ta từng nghĩ. Đây không phải là vấn đề “xem nhẹ” hoặc “làm sai lệch”, “hạ bệ thần tượng” mà chính là sự tôn vinh, phát huy lý luận văn nghệ mác xít trong cái nhìn biện chứng, khoa học và đúng đắn nhất, là nhận thức quan trọng trong sự vận động đổi mới ý thức hệ của lý luận văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Trong lý luận văn nghệ mác xít, *lý luận phản ánh* có ý nghĩa hàng đầu để giải thích về nghệ thuật, chính vì thế phương diện này đã được giới lý luận đặc biệt quan tâm chú ý. Bên cạnh việc tranh luận, nhiều bài nghiên cứu đi sâu tìm hiểu thêm vấn đề lý luận phản ánh trong nghệ thuật của các nhà nghiên cứu đã được công bố: *Văn học với hiện thực dưới ánh sáng phản ánh luận Marx-Lenin* (Phương Lựu); *Về đặc trưng của phản ánh nghệ thuật trong mỹ học của Ch. Caudwell và G. Lukacs* (Trương Đăng Dung); *Phương diện chủ quan của phản ánh và đặc trưng của văn nghệ* (Trần Đình Sử),... Các nhà lý luận nhận thức phản ánh luận là *cơ sở nền tảng* chứ không phải là *duy nhất*. Bởi vì, văn học là một hình thái đặc thù của hoạt động sống của con người, vừa có cái

chung với các hoạt động khác, vừa có tính riêng. Tính riêng của văn học nghệ thuật là cái mà các hình thái ý thức khác không thể thay thế. Nhưng “không nên tìm đặc trưng nghệ thuật bằng cách đối lập tuyệt đối nó với các hình thái ý thức xã hội khác, đối lập với khoa học” (3). Từ đó, tư duy lý luận khẳng định, *phản ánh luận của Lenin vẫn mang những ý nghĩa to lớn* nhưng đồng thời cũng chỉ rõ *nhược điểm* của lý luận văn nghệ Việt Nam trong mấy chục năm qua là đã vận dụng tư tưởng của Lenin vào thực tiễn văn học *quá máy móc*, áp dụng phản ánh luận vào văn học một cách cứng nhắc, không làm rõ những khâu trung gian. Và đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến nhiều giới hạn đối với sự phát triển của nền văn học nghệ thuật nước nhà nói chung và lý luận văn học nói riêng.

Nhìn tổng thể lý luận văn học thế giới thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu lý luận văn học ở Việt Nam thừa nhận lý luận mác xít dù có quan trọng, cơ bản như thế nào cũng chỉ là một trường phái, tự nó không thể thay thế toàn bộ lý luận, không thể giải quyết được tất cả các vấn đề đặt ra đối với lý luận văn học hiện đại. Họ coi lý luận văn học mác xít là một *hệ thống mở*, không gạt bỏ các thành quả lý luận văn học phong phú thuộc các trào lưu tư tưởng khác mà hấp thu, phát triển chúng để làm cho hệ thống lý luận nước nhà ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn. *Đây có thể coi là một trong những bước chuyển biến nhận thức quan trọng nhất của tư duy lý luận thời kỳ Đổi mới*, bởi thừa nhận nhiều nguồn lý luận văn học có giá trị khoa học ngang nhau, lý luận văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới đã tạo ra cho

chính mình những cơ hội để *đối thoại* với lý luận hiện đại thế giới, thực sự mở ra không gian mới cho tư duy về văn học nghệ thuật.

Bản chất của nghệ thuật là sáng tạo, mà sáng tạo thì phải đa dạng, chính vì thế không thể bắt ép và khuôn định người nghệ sĩ vào bất cứ một công thức có sẵn nào về phương pháp và phong cách nghệ thuật. Chủ nghĩa hiện thực XHCN với phương pháp sáng tác của nó trong một thời gian dài đã chi phối sâu sắc đời sống sáng tác cũng như lý luận phê bình văn học ở nước ta. Trong thời kỳ đổi mới, bên cạnh việc ghi nhận những thành tựu của nền văn học sáng tác theo phương pháp sáng tác hiện thực XHCN, giới lý luận văn học Việt Nam phát hiện: “Cái định nghĩa của nó không thể nào quán triệt được vào tất cả các loại hình và loại thể văn học nghệ thuật”, có nghĩa là: “Tham vọng tạo ra một phương pháp sáng tác tối ưu cho nhiều nền văn học khác nhau thực chất là một ảo tưởng” (5). Thực tiễn phát triển của sáng tác văn học thời kỳ Đổi mới đã khiến các nhà nghiên cứu nhận ra sự bất ổn, vênh lệch giữa lý luận và thực tiễn. Từ những năm cuối thập kỷ 1990 trở đi, khái niệm phương pháp sáng tác hiện thực XHCN gần như không thấy xuất hiện trong đời sống sáng tác văn học, trong các văn kiện của Đảng về văn học nghệ thuật. Nhiều cuộc tranh biện, nhiều bài nghiên cứu phân tích về sự bất ổn bên trong cũng như khẳng định những hạt nhân khả thủ của nó được công bố trên văn đàn thời kỳ Đổi mới. Điều đó cho thấy, việc nghiên cứu, tham khảo lý luận văn học Xô Viết ở Việt Nam thời kỳ này đã đạt được những chuyển biến đáng kể trong tư duy học thuật.

Ngoài các vấn đề chủ yếu nêu trên, từ việc tìm kiếm điểm tựa ở triết học và nhận thức luận mác xít nói chung, lý luận văn học thời kỳ Đổi mới còn quan tâm đến một số vấn đề khác như: vấn đề con người trong văn học, chức năng của văn học, phương pháp luận trong nghiên cứu văn học,... *Ý thức hệ của lý luận thay đổi tiến bộ đã góp phần không nhỏ vào việc đánh giá các giá trị văn học đương đại, soi chiếu vào hàng loạt các tác giả và tác phẩm bị coi là "có vấn đề" trong giai đoạn văn học trước, trả lại giá trị đích thực cho những tác giả, tác phẩm và trào lưu văn học mà quá khứ đã nhìn nhận không công bằng.* Các cuộc hội thảo về văn học nghệ thuật được tổ chức, những bài viết của các nhà nghiên cứu, phê bình, sáng tác dưới ánh sáng của thời đại dân chủ, đổi mới tư duy đã làm sống dậy nhiều tác phẩm văn chương giai đoạn 1930 - 1945 mà một thời đã bị quên lãng, chẳng hạn như thơ của Phong trào Thơ mới và văn của các tác giả Tự lực văn đoàn. Trước đây, khi xem xét đến những phong trào văn học này, các nhà nghiên cứu chủ yếu phê phán nội dung tư tưởng và chỉ nêu lên một số yếu tố tích cực về nghệ thuật thể hiện. Trào lưu này luôn bị coi là loại văn học lãng tránh hiện thực, đề cao cái tôi cá nhân... thì nay nhiều giá trị nhân văn, nhân bản, giá trị tâm linh sâu sắc của các tác phẩm đã được "phục hưng" lại trong cái nhìn khách quan, khoa học hơn. Điều này chứng tỏ các nhà nghiên cứu đã có những điều chỉnh tư duy cho phù hợp với sự vận động của lịch sử xã hội.

Tuy nhiên, ở mười năm đầu đổi mới, sự đánh giá lại dù đã là phổ biến song vẫn mới dừng ở sự tự do, cởi mở trong tâm lý, chứ chưa phải là sự thay

đổi về tiêu chuẩn giá trị, bởi lẽ giai đoạn này lý luận mới chỉ tập trung chỉ ra những hạn chế, tính không tưởng, tính vô hiệu quả, phi hiện thực của những khái niệm, những nguyên tắc lý luận được đề cao một thời chứ chưa đưa ra được những khái niệm công cụ mới để vận dụng trong nghiên cứu, phê bình văn học.

Nhìn lại một chặng đường tuy ngắn ngủi, nhưng quãng thời gian từ 1986 đến 1995 là những năm tinh thần tự do trong ngôn luận được phát huy mạnh mẽ nhất, chấp nhận nhiều luồng suy nghĩ khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, chấp nhận nhiều phong cách biểu hiện của tư duy nghệ thuật. Ngót mười năm đầu, công cuộc đổi mới lý luận văn học diễn ra với không ít khó khăn, sóng gió, trắc trở, quá trình tự "lột xác" trải qua những thăng trầm khác nhau để tiến đến đánh dấu một bước chuyển quan trọng của tư duy lý luận văn học Việt Nam: *Từ tâm thế luôn thụ động, thiếu linh hoạt, thiếu cái nhìn phê phán khách quan, phần lớn chịu ảnh hưởng, phụ thuộc vào lý luận văn học Xô Viết nay chuyển sang tâm thế chủ động tự phê phán và đề xuất sáng tạo những quan niệm lý luận mới có giá trị thực tiễn.* Chính từ tâm thế mới này, lý luận văn học nước nhà tiếp tục từng bước, bền bỉ hướng đến những kết tinh mới ở hành trình phía trước.

II. Tiếp tục kế thừa di sản lý luận văn học dân tộc, mở rộng biên độ tiếp nhận những điểm khả thủ của lý luận văn học thế giới

1. Nghiên cứu di sản lý luận văn học dân tộc từ trung đại đến hiện đại

Một trong những biểu hiện đáng ghi nhận của phong trào đổi mới lý luận trên bình diện "nội sinh" là đã quan tâm

nghiên cứu, phát huy di sản lý luận văn học dân tộc từ trung đại đến hết thế kỷ XX.

Thời trung đại ở nước ta, những quan niệm văn học xuất hiện lẻ tẻ trong các lời bạt, lời bình, lời tựa. Mặc dù không thành hệ thống nhưng đây cũng là di sản vô cùng quý báu. Để kế thừa, khai thác phần di sản này thì công việc sưu tầm, dịch thuật, chú thích là có ý nghĩa tiên quyết. Trước đổi mới đã có một số nhà nghiên cứu quan tâm đến vấn đề này, tiêu biểu là: *Quan niệm văn học của một số nhà nho Việt Nam* (Nguyễn Đức Vân, Tạp chí Văn học số 12/1963), *Từ trong di sản* (nhiều tác giả, 1981), *Về quan niệm văn chương cổ Việt Nam* (Phường Lưu, 1985). Từ sau đổi mới xuất hiện thêm các công trình *Người xa bàn về văn chương* (Đỗ Văn Hỷ sưu tầm, 1993), *Lê Quý Đôn trên tiến trình ý thức văn học dân tộc* (Đinh Thị Minh Hằng, 1996), *Thơ trong con mắt của người xưa*, chuyên luận (Phạm Quang Trung, 1999), *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam* (Phường Lưu, 1977),... Những công trình sưu tầm, nghiên cứu trên đã góp phần quan trọng xác lập hệ thống quan niệm trong văn học trung đại Việt Nam.

Song song với việc khai thác kế thừa quan niệm văn học thời trung đại là việc sưu tầm, nghiên cứu thành tựu lý luận văn học thế kỷ XX. Theo các nhà nghiên cứu, nền lý luận văn học Việt Nam mãi đến thế kỷ XX mới thực sự hình thành và phát triển mạnh mẽ.

Theo thống kê của chúng tôi, kể từ năm 1995 đến nay đã có khoảng hơn chục công trình sưu tầm, biên soạn lý luận, phê bình được công bố. Các nhà nghiên cứu tập trung vào mảng lý luận

văn học trước và sau năm 1945: *Tuyển tập Phê bình, Nghiên cứu văn học Việt Nam 1900 - 1945* (Nguyễn Ngọc Thiện, 1998); *Lan Khai - Tác phẩm nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học* (Trần Mạnh Tiến chủ biên, 2003); *Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX*, 2 tập (Nguyễn Ngọc Thiện tuyển chọn, 2003); *Phạm Quỳnh - Luận giải văn học và triết học* (Trịnh Bá Đĩnh tuyển chọn, 2003); Bộ từng thư: *Văn học Việt Nam thế kỷ XX - Quyển Năm* (tuyển chọn giới thiệu các tác gia, tác phẩm thuộc thể loại lý luận-phê bình trong Văn học Việt Nam hiện đại kể từ đầu thế kỷ XX, ấn hành từ 2004 đến cuối 2010, Nguyễn Ngọc Thiện chủ biên, đã ra mắt đến tập XIV); Bộ tuyển *Trương Tửu: phê bình văn học* (Nguyễn Hữu Sơn, Trịnh Bá Đĩnh tuyển chọn, 2007); Bộ tư liệu *Mười thế kỷ bàn luận về văn chương - Từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XX*, 3 tập (Phan Trọng Thuồng, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn, Nguyễn Cừ biên soạn, 2007).

Đáng lưu ý ở việc sưu tầm là các nhà nghiên cứu không chỉ chú ý đến những tác giả tên tuổi đã được khẳng định trên văn đàn như Hải Triều, Đặng Thai Mai, Hoài Thanh,... mà còn giới thiệu thêm nhiều tên tuổi và công trình có phần lạ lẫm và hầu như ít ai biết đến như Cao Văn Chánh, Hoàng Duy Từ, Trúc Hà, trân trọng những giá trị lý luận có thể còn rất sơ lược, giản đơn, nhưng nó đã được manh nha ở nước ta từ thời trước cách mạng. Qua các công trình sưu tầm, các nhà nghiên cứu lý luận thời kỳ Đổi mới đã góp phần lưu giữ những thành tựu quan trọng của lý luận văn học dân tộc trong thế kỷ XX, đồng thời mang lại sự đánh giá công bằng cho hàng loạt các nhà nghiên cứu phê bình trước đây bị định kiến lâu dài

do quan niệm hẹp hòi, ngộ nhận một thời như: Phạm Quỳnh, Phan Khôi, Lan Khai, Trương Tửu, Nguyễn Bách Khoa,...

Việc sưu tầm, biên soạn tư liệu là công việc khoa học đòi hỏi sự cẩn trọng, chu đáo và công phu. Mặc dù đến nay còn nhiều khoảng trống chưa thể lấp đầy nhưng lý luận văn học thời kỳ đổi mới đã đạt được những thành tựu nhất định ở mảng này, những bộ sách sưu tầm, biên soạn đã kịp thời bổ sung, phát triển nâng cao những thành tựu lý luận vốn có, góp phần trang bị cho người nghiên cứu những kiến thức không thể thiếu về lịch sử chuyên ngành lý luận văn học ở Việt Nam.

Lý luận văn học Việt Nam thế kỷ XX có ý nghĩa đặt nền móng cho việc xây dựng và phát triển nền lý luận hiện đại ở những giai đoạn tiếp theo. Những công trình nghiên cứu về di sản lý luận văn học dân tộc được ra mắt ở thời kỳ Đổi mới đã góp phần phác họa diện mạo lý luận nước nhà một thế kỷ qua. Dưới sự thẩm định khoa học và khách quan của các nhà nghiên cứu, thành tựu và hạn chế của lý luận văn học giai đoạn này để lại những bài học kinh nghiệm sâu sắc cho việc hiện đại hóa lý luận văn học nước nhà trong những chặng đường kế tiếp.

2. Nghiên cứu, giới thiệu, ứng dụng lý luận văn học nước ngoài

Vào những năm 1990, quan điểm đa dạng hóa, đa phương hóa đã tạo nên sự phong phú trong nghiên cứu, dịch thuật, trong giới thiệu các công trình lý luận của nước ngoài vào Việt Nam. Sau nhiều năm nền lý luận văn học nước ta thiếu hụt sự liên thông tư tưởng học thuật với khoa học nhân văn thế giới do

những hạn chế chủ quan và điều kiện lịch sử xã hội. Đến thời kỳ Đổi mới, song song với việc bảo tồn, nghiên cứu di sản lý luận văn học dân tộc, giới lý luận đã nhận thức sâu sắc nếu muốn hiện đại hóa lý luận thì vấn đề “tiếp thu rộng rãi những lý thuyết, quan điểm, phương pháp của các nền lý luận văn học hiện đại thế giới với tinh thần tỉnh táo và gạt lọc là một điều không thể xem nhẹ” (6). Trên tinh thần hội nhập, việc dịch thuật, giới thiệu và nghiên cứu những thành tựu lý luận văn học thế giới đã phát triển hơn nhiều so với mấy chục năm trước đó.

Thành tựu đặc biệt hơn cả là việc nghiên cứu, giới thiệu và dịch lý luận văn học hiện đại phương Tây. Mảng sách nghiên cứu có: *Các vấn đề khoa học của văn học* (Trương Đăng Dung chủ biên, 1990); *Từ kí hiệu học đến thi pháp học* (Hoàng Trinh, 1992); *Triết học và mỹ học phương Tây hiện đại* (Nguyễn Hào Hải chủ biên, 1992); *Tìm hiểu lý luận văn học phương Tây hiện đại và Mười trường phái lý luận văn học phương Tây đương đại* (Phương Lưu, 1992, 1998); *Từ văn bản đến tác phẩm văn học* (Trương Đăng Dung, 1998); *Nghiên cứu văn học, lý luận và ứng dụng* (Nguyễn Văn Dân, 1998); v.v... Bên cạnh các sách nghiên cứu là mảng sách dịch lý luận văn học với mục đích giới thiệu nguyên gốc các thành tựu lý luận văn học nước ngoài: *Alain Robbe - Grillet và sự đổi mới tiểu thuyết* (Lê Phong Tuyết giới thiệu và dịch, 1993); *Phê bình văn học Pháp thế kỉ XX* (Lộc Phương Thủy chủ biên, 1995); *Phê bình, bình luận văn học London, Twain, Hemingway* (Vũ Tiến Quỳnh, 1995); *Octavio Paz: Thơ văn và tiểu luận*

(Nguyễn Trung Đức dịch, 1998); *M. Kundera: Nghệ thuật tiểu thuyết* (Nguyễn Ngọc dịch, 1998), *J. P. Sartre: Văn học là gì* (Nguyễn Ngọc dịch, 1999); v.v...

Chỉ trong vài năm đầu thế kỷ XXI, số sách nghiên cứu giới thiệu các thành tựu lý luận văn học thế giới tăng mạnh. Mảng sách biên soạn đã thực sự là các tư liệu bổ ích cho các nhà lý luận, trong đó phải kể đến những cuốn của Đỗ Thúy Lai, Lộc Phương Thủy...

Như vậy, vượt qua giới hạn của chính mình, lý luận văn học thời kỳ đổi mới đã đi từ phong bế đến hội nhập, mạnh dạn dịch, giới thiệu những lý thuyết văn học trước nay bị xem là vùng cấm. Một số tác giả triết học và mỹ học phương Tây như G.W. Hegel, I. Kant, M. Heidegger, J. P. Sartre, R. Barthes, M. Kundera,... thậm chí có những tác giả trước đây bị lên án gay gắt như G. Lukacs (bị coi là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa xét lại) cũng được trân trọng giới thiệu lại như là những nhà lý luận với những quan điểm đáng được quan tâm, tham khảo.

Song cũng cần thấy, sự hội nhập với thế giới của lý luận văn học đương đại Việt Nam thật ra không quay lưng lại với lý luận văn học Xô Viết. Nếu trước đây chúng ta chỉ thiên về những thành tựu có tính chất chính thống thì nay quan tâm đến cả những thành tựu lý luận vốn trước đây không được coi trọng (thậm chí bị phê phán) bởi những công trình này được viết không hoàn toàn theo tinh thần mác xít, đến đổi mới, “cải tổ”, nó được nhìn nhận lại, trở thành di sản quý báu không những của Nga mà còn là của thế giới. Đó là hai công trình quan trọng của M. Bakhtin – một trong

những nhà nghiên cứu lý luận văn học được coi là lớn nhất thế kỷ XX: *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch, 1992), *Những vấn đề về thi pháp Dostoevsky* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch, 1993). Tư tưởng khoa học mới mẻ trong các công trình khoa học này đã tác động mạnh đến giới lý luận Việt Nam. Nhiều quan điểm của M. Bakhtin như coi thể loại là nhân vật chính của lịch sử văn học, cách nhìn về vai trò lễ hội Carnival trong chuyên khảo về F. Rabelais, vấn đề “tính đa thanh” của tiểu thuyết,... đã được giới nghiên cứu nước ta hưởng ứng, vận dụng. Những tư tưởng lý luận của phương Tây (đặc biệt là của Âu - Mỹ) trở lại với Việt Nam trong tinh thần cầu thị học hỏi và đối thoại, đã nhen nhóm, kích thích những tìm tòi, sáng tạo mới.

Trong bối cảnh đất nước đổi mới, với tinh thần hội nhập, mở rộng biên độ giao lưu, mở rộng tầm nhìn, 25 năm qua lý luận văn học đương đại Việt Nam đã chủ động hướng về những chân trời khác nhau để tiếp thu học hỏi những kinh nghiệm học thuật của nhân loại với mục đích đổi mới và phát triển lý luận văn học dân tộc. Có thể khẳng định, sự hiện diện của tư tưởng, học thuật hiện đại nước ngoài nói chung và của lý luận văn học nước ngoài (chủ yếu là lý luận văn học phương Tây) nói riêng đã có vai trò tích cực không nhỏ đối với sự phát triển lý luận, nghiên cứu phê bình văn học ở Việt Nam. Cụ thể là:

Thứ nhất, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những tư tưởng lý luận văn học hiện đại của nhân loại, lý luận văn học Việt Nam đã *bổ sung, thay đổi hệ thống quan niệm lý luận*, từ đó giúp tư duy nghệ thuật, thẩm mỹ của người Việt

Nam cũng được đổi mới và trở nên toàn diện, đa chiều hơn. Hệ thống các khái niệm lý luận mới được hình thành đồng thời cũng mở ra một không gian mới cho tư duy về văn học, có nhiều ảnh hưởng tích cực tới mọi phương diện của đời sống văn học như sáng tác, nghiên cứu phê bình, tiếp nhận tác phẩm. Đến nay hệ thống khái niệm lý luận văn học Việt Nam một mặt đã *định hình được những khái niệm mới*, mặt khác vẫn đang tiếp tục *chuyển động* theo hướng tiếp cận hệ thống khái niệm lý luận của thế giới, bổ sung thêm những khái niệm mới.

Thứ hai, lý luận văn học hiện đại phương Tây đã tác động tới nghiên cứu phê bình văn học một cách rõ rệt. Các lý thuyết: ký hiệu học, thi pháp học, văn học so sánh, phân tâm học, chủ nghĩa cấu trúc, lý thuyết mỹ học tiếp nhận, lý thuyết mỹ học hiện tượng học, giải thích học, tự sự học,... được lần lượt giới thiệu vào Việt Nam đã bước đầu làm thay đổi nền phê bình Việt Nam. Bên cạnh phê bình báo chí, những hướng nghiên cứu phê bình mang tính học thuật như thi pháp học, phân tâm học, tự sự học, văn học so sánh đã và đang được khẳng định. Trong tư duy mới của lý luận, phê bình văn học được coi là một loại hình hoạt động tinh thần nằm giữa khoa học và nghệ thuật. Các công trình nghiên cứu phê bình mang tính học thuật của các tác giả Việt Nam được công bố thời đổi mới đã phần nào chứng tỏ giới nghiên cứu phê bình văn học nước nhà đã ý thức được một cách sâu sắc tính khoa học và tính nghệ thuật của phê bình văn học - đó là dấu hiệu của sự xuất hiện nhà phê bình chuyên nghiệp.

Công cuộc đổi mới lý luận từ 1986 đến nay không hề phủ nhận hoặc loại bỏ hoàn toàn những yếu tố đã có từ trước của lý luận văn học ở Việt Nam. Đây là một quá trình vận động tư duy bền bỉ, lao động khoa học nghiêm túc của nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu để *hướng đến những nhận thức lý luận mới, bổ sung, khái quát cái mới, chắt lọc giữ gìn những giá trị hợp lý của cái có trước, mong muốn làm giàu thêm cho nền học thuật lý luận nước nhà vốn đang lạc hậu so với thế giới.* Đây cũng là giai đoạn lý luận văn học Việt Nam *chuyển từ một nền lý luận khép kín, độc tôn, một chiều, ổn định sang một nền lý luận phát huy được tinh hoa lý luận dân tộc, cập nhật được với lý luận tiến bộ của nhân loại và mang tính ứng dụng thực tiễn.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương Lưu. Lý luận phê bình văn học. Đà Nẵng: Đà Nẵng, 2004.
2. Phong Lê (chủ biên). Văn học và hiện thực. H.: Khoa học xã hội, 1990.
3. Trần Đình Sử. Lý luận và phê bình văn học. H.: Giáo dục, 2000.
4. Phương Lưu. Vì một nền lý luận văn học dân tộc - hiện đại. H.: Văn học, 2009.
5. Viện Văn học. Lý luận và phê bình văn học đổi mới và phát triển (Kỷ yếu hội thảo khoa học). H.: Khoa học xã hội, 2005.
6. Trần Đình Sử. Hai mươi năm lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học - thành tựu và suy ngẫm. *Văn nghệ*, số 52/ 2006.